HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 164/2016/NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 13
(Từ ngày 29/3 đến ngày 30/3/2016)

Căn cứ Điều 142, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 904/TTr-UBND ngày14/3/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nghị quyết thay thế nghị quyết số 122/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 quy định về lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu tại Kỳ họp thứ 13 - Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể:

1. Đối tượng thu, nộp lệ phí:

a) Cơ quan, đơn vị thu lệ phí: là cơ quan, đơn vị thực hiện hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về hộ tịch, đăng ký cư trú và cấp chứng minh nhân dân theo quy định của pháp luật.

b) Đối tượng nộp lệ phí:

- Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

- Người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

- Lệ phí chứng minh nhân dân là khoản thu đối với người được cơ quan công an cấp chứng minh nhân dân.

2. Mức thu và chế độ miễn lệ phí:

2.1. Mức thu lệ phí: (Biểu chi tiết đính kèm)

2.2. Chế độ miễn lệ phí:

a) Chế độ miễn lệ phí hộ tịch:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

b) Chế độ miễn lệ phí cư trú:

- Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

- Miễn lệ phí đăng ký cấp lần đầu đối với: cấp sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú.

c) Chế độ miễn lệ phí chứng minh nhân dân:

- Không thu lệ phí chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam Anh Hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Miễn lệ phí cấp chứng minh nhân dân khi công dân cấp chứng minh nhân dân lần đầu, cấp đổi chứng minh nhân dân do nhà nước thay đổi địa giới hành chính.

3. Quản lý, sử dụng lệ phí:

Lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

- Cơ quan, đơn vị thu lệ phí hộ tịch cấp huyện, xã được trích để lại 50% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí theo chế độ quy định.

- Cơ quan Công an thu lệ phí đăng ký cư trú được trích để lại 100% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí.

- Cơ quan Công an thu lệ phí chứng minh nhân dân được trích để lại 100% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí.

Tổng số tiền lệ phí thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định, số còn lại cơ quan, đơn vị thu lệ phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Chứng từ thu phí thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 122/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X, kỳ họp thứ 8 quy định về lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức thu cụ thể cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng địa bàn có phát sinh hoặc cần thiết phải thu phí.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá X, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
-UBTV Quốc hội; VPQH;
-Thủ tướng Chính Phủ; VPCP;
- Ban công tác ĐB;
- TT Tỉnh Uỷ;
- TT HĐND tỉnh ;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- VP.HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (đăng công báo);
- HĐND,UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CV Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH, ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ VÀ CHỨNG MINH NHÂN DÂN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Nghị quyết số 164/2016/NQ-HĐND ngày 30/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Kỳ họp thứ 13)

STT	Nội dung	
1	**Lệ phí hộ tịch**	**Mức thu**
a	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:	
	- Khai sinh	Không quá 8.000 đồng.
	- Kết hôn	Không quá 30.000 đồng.
	- Khai tử	Không quá 8.000 đồng.
	- Nhận cha, mẹ, con	Không quá 15.000 đồng.
	- Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Không quá 3.000 đồng/1 bản sao.
	-Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	Không quá 15.000 đồng
	- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Không quá 15.000 đồng
	- Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Không quá 8.000 đồng
	- Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Không quá 8.000 đồng
b	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	
	- Khai sinh	Không quá 75.000 đồng
	- Kết hôn	Không quá 1.500.000 đồng
	- Khai tử	Không quá 75.000 đồng
	- Giám hộ	Không quá 75.000 đồng
	- Nhận cha, mẹ, con	Không quá 1.500.000 đồng
	- Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Không quá 8.000đ/1 bản sao
	- Thay đổi, cải cách hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Khống quá 28.000 đồng
	- Ghi vào sở hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Không quá 75.000 đồng
	- Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Không quá 75.000 đồng

STT	Nội dung		
2	**Lệ phí đăng ký cư trú:**	**Mức thu**	
		Tại khu vực phường nội thành thuộc TP	**Tại các khu vực khác**
	Đăng ký cấp lần đầu, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu cá nhân	Không quá 20.000 đồng/ lần cấp	Không quá 10.000 đ/lần cấp
	- cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú	Không quá 20.000 đồng/lần cấp.	Không quá 10.000 đồng/lần cấp
	+ Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu cá nhân, gia đình; sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	Không quá 10.000 đồng/lần cấp	Không quá 5.000 đồng/lần cấp
	- Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xoá tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú)	Không quá 8.000 đồng/lần đính chính	Không quá 4.000 đồng/lần đính chính.
3	**Lệ phí chứng minh nhân dân:**	**Mức thu**	
		Tại khu vực phường nội thành thuộc thành phố	**Tại các khu vực khác**
	Đổi, cấp lại chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)	Không quá 9.000 đồng/lần cấp	Không quá 4.500 đồng/lần cấp